

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2018

Về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Phụng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Sỹ Luận
Bà Nguyễn Thị Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Dạ Lan - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 269/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Lệ B, sinh năm 1992 (Có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Hữu P, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn HP, xã BT, huyện P, tỉnh BP

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Lệ B trình bày:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Lê Hữu P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BGM (cũ) nay là huyện P vào ngày 13/01/2012.

Thời kỳ đầu hôn nhân, vợ chồng chung sống hạnh phúc, ông P cũng lo lắng, chăm sóc vợ con. Từ tháng 04 năm 2017, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Theo bà, nguyên nhân do ông P hay bỏ nhà đi nhiều ngày không về mà không có lý do, hay cờ bạc, cá độ đá banh, không còn quan tâm đến vợ, con. Bà B nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Thời gian đầu mâu thuẫn, ông P bỏ đi nhưng còn liên lạc về

nhà nhưng từ tháng 7/2017 không có liên lạc về. Hai bên gia đình đã cố gắng khuyên nhủ, hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 10 năm 2017 đến nay, vợ chồng bà đã sống ly thân. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, ông P không quan tâm, có trách nhiệm với con chung nên bà B không thể tiếp tục chung sống cùng ông P. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông P.

[2] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà và ông P có một con chung là cháu Lê Hữu Đ, sinh ngày 19/5/2012. Hiện nay cháu Đ đang do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, ông P không quan tâm, thăm hỏi cháu Đ. Về con chung, bà B đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đạt, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Hữu P: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng không thực hiện được việc tổng đạt nên ngày 06/6/2018, Tòa án nhờ trưởng thôn HP hỗ trợ tổng đạt nhưng bị đơn ông P không lên Tòa án làm việc. Ngày 13/6/2018, tiến hành xác minh tại địa phương được trưởng thôn HP, xã BT cho biết: Ông Lê Hữu P có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn HP, xã BT nhưng khoảng một năm trở lại đây, ông P thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không rõ thời gian đi về. Trưởng thôn HP đã thực hiện việc hỗ trợ tổng đạt các văn bản trên cho Tòa án nhưng không thực hiện được do không nắm được thời gian đi về của ông P đồng thời cũng không gặp được người thân thích của ông Phụng để tổng đạt do đó từ chối việc hỗ trợ Tòa án tổng đạt văn bản.

Vì không thể thực hiện việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Hữu P, Tòa án căn cứ Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 269/2018/TLST-HNGĐ (ngày 13/6/2018), Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (29/6/2018), Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (12/7/2018) nhưng ông Lê Hữu P vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án đã căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 27/7/2018, ông P vắng mặt lần thứ nhất, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, ông P vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh BP phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Lệ B về việc xin được ly hôn với ông P là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

Về con chung: Hiện nay bà B đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Hữu Đ. Bà B có việc làm, nơi ở ổn định. Để đảm bảo môi trường sống ổn định cho cháu Đạt, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Đ cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Lệ B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với bị đơn ông Lê Hữu P có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn HP, xã BT, huyện P, tỉnh BP, Tòa án nhân dân huyện P xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh BP.

Bị đơn ông Lê Hữu P được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[a] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị Lệ B và ông Lê Hữu P có đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện BGM (cũ) nay là huyện P, tỉnh BP theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02/2012. Hôn nhân được hình thành trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Lệ B, Hội đồng xét xử nhận định: Từ năm 2017, vợ chồng ông P, bà B đã phát sinh mâu thuẫn do ông P thường xuyên bỏ nhà đi không có lý do, hay cờ bạc, cá độ đá banh, không quan tâm đến vợ, con nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ tháng 10 năm 2017 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Lời khai của bà B về mâu thuẫn vợ chồng, việc sống ly thân phù hợp với xác nhận của trưởng thôn HP và chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn của ông P, bà B đã trở lên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Huỳnh Thị Lệ B.

[b] Về con chung: Ông P, bà B có một con chung là cháu Lê Hữu Đ, sinh ngày 19/5/2012. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được nuôi cháu Đ. Xét yêu cầu của bà B nhận thấy: Bà B có chỗ ở, công việc, thu nhập ổn định nên đảm bảo được các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ. Hơn nữa, từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân đến nay, cháu Đ do bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên để đảm bảo môi trường sống ổn định cho cháu Đ cần giao cháu Đ cho bà B nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Lệ B.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Lệ B phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51; 53; 56; 81; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Lệ B.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Lệ B được ly hôn với ông Lê Hữu P.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Hữu Đ, sinh ngày 19/5/2012 cho bà Huỳnh Thị Lệ B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà B chưa yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Ông P được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Lệ B phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 026423 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh BP.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Lệ B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lê Hữu P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện PR;
- THADS huyện PR;
- Các đương sự;
- UBND xã B T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Phụng

